

## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành theo Quyết định số 522 ngày 20 tháng 05 năm 2014  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Tp. HCM)*

Tên chương trình: **QUẢN LÝ XÂY DỰNG**

Trình độ đào tạo: **ĐẠI HỌC**

Ngành đào tạo: **QUẢN LÝ XÂY DỰNG**

Mã số: **52580302**

Loại hình đào tạo: **Chính quy, tập trung**

### **1. Mục tiêu đào tạo**

#### **Mục tiêu chung**

Chương trình đào tạo ngành Quản lý Xây dựng hướng đến việc đào tạo các cử nhân Quản lý Xây dựng: Có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp; Nắm vững những kiến thức Kinh tế – Xã hội và ứng dụng các tri thức về khoa học quản lý và kinh doanh trong xây dựng; Có năng lực độc lập suy nghĩ, sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp.

#### **Mục tiêu cụ thể**

– Về kiến thức: Được trang bị những kiến thức về việc lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm soát và kiểm tra quá trình thực hiện dự án; Nhận diện được các vấn đề nảy sinh và đưa ra các quyết định phù hợp trong suốt quá trình thực hiện dự án.

– Về kỹ năng: Được trang bị những kiến thức chuyên môn phù hợp, sát với thực tế sẵn sàng đảm nhiệm những công tác nghiên cứu, tư vấn giám sát, lập dự án, tổ chức và điều hành dự án xây dựng. Được trang bị những kỹ năng mềm trong suốt quá trình học tập. Được rèn luyện và trau dồi kỹ năng tự học phục vụ cho nhu cầu cập nhật kiến thức đáp ứng yêu cầu công tác và có thể học lên các bậc học cao hơn.

– Về thái độ: Tôn trọng các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp; Yêu nghề; Có tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái và hợp tác; Có tư duy thực hành tốt, biết vận dụng lý thuyết vào thực tiễn sản xuất, bảo đảm cân bằng giữa kinh tế và kỹ thuật.

### **2. Chuẩn đầu ra**

#### **2.1 Kiến thức**

##### **2.1.1 Tri thức chuyên môn:**

– Có kiến thức chung, căn bản thuộc chuẩn trình độ đại học của một cử nhân: Hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin, có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với ngành đào tạo, đáp ứng việc tiếp thu kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên môn.

– Có kiến thức rộng về các vấn đề kỹ thuật cơ sở liên quan đến cơ học kết cấu, cơ học đất – nền móng, kết cấu công trình, cơ học lưu chất và các kỹ thuật tính toán, đo

đặc, khảo sát, thí nghiệm, phân tích và tổng hợp số liệu phục vụ cho công tác thiết kế, triển khai các dự án xây dựng.

– Có kiến thức rộng về các vấn đề liên quan đến việc quản lý kinh tế, tài chính, nhân sự, tổ chức, ... phục vụ công tác quản lý.

2.1.2 Năng lực nghề nghiệp: Có khả năng hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát các dự án lớn và nhỏ của các doanh nghiệp hoặc trong các ban quản lý dự án; cũng như tổ chức sản xuất, điều hành và quản lý các dự án xây dựng.

## **2.2 Kỹ năng:**

### **2.2.1 Kỹ năng cứng:**

– Kỹ năng chuyên môn: Có thể lập và thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình; đánh giá được các hiệu quả kinh tế, tài chính, xã hội, nhận thức đầy đủ về tác động của dự án đối với môi trường, kinh tế, xã hội. Tổ chức triển khai và quản lý dự án xây dựng từ lúc bắt đầu đến khi kết thúc.

– Năng lực thực hành nghề nghiệp: Có thể triển khai, thực hiện hoặc giám sát thực hiện việc thiết lập dự án, tổ chức dự án, và quản lý thực hiện dự án xây dựng. Có thể quản lý các vấn đề trong xây dựng: Tiến độ, chi phí, nhân sự ...

– Kỹ năng xử lý tình huống, giải quyết vấn đề: Được trang bị một số phương pháp, kỹ năng, công cụ để giải quyết các tình huống trong quá trình làm việc sau này.

### **2.2.2 Kỹ năng mềm: Sinh viên được trang bị các kỹ năng mềm:**

– Kỹ năng giao tiếp;

– Kỹ năng làm việc nhóm;

– Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp và làm việc: TOEIC 450 (tương đương chuẩn Châu Âu CEFR B1)

– Kỹ năng sử dụng các chương trình vi tính văn phòng (tương đương chứng chỉ A Quốc Gia) và các phần mềm mô phỏng chuyên ngành quản lý:

## **2.3 Thái độ**

2.3.1 Phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân: Yêu nước, trung thành với Tổ quốc, hiểu biết và thấm nhuần chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

2.3.2 Trách nhiệm, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ: Yêu nghề, thân thiện, cởi mở, thiện chí trong việc tiếp nhận ý kiến và giải quyết khó khăn, vướng mắc trong công việc.

2.3.3 Khả năng cập nhật kiến thức, thái độ trong công việc: Có ý thức tự học để thích ứng với sự phát triển của xã hội.

**2.4 Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp:** Sau khi tốt nghiệp ngành Quản lý xây dựng, sinh viên có thể làm việc tại các ban quản lý dự án, các công ty tư vấn xây dựng, các doanh nghiệp kinh doanh và sản xuất xây dựng cũng như các đơn vị quản lý nhà nước về kinh tế xây dựng.

**2.5 Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường:** Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể tiếp tục học tập nâng cao trình độ ở bậc học cao hơn: Cao học, nghiên cứu sinh chuyên ngành Quản lý xây dựng.

## **2.6 Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà Khoa tham khảo**

- Đại học Công Nghệ Sydney
- Đại học RMIT
- Đại học Bách Khoa Đà Nẵng

## **3. Thời gian đào tạo**

Tổng thời gian thực hiện chương trình đào tạo: 4,0 năm.

## **4. Khối lượng kiến thức toàn khoá**

Kết cấu khối lượng kiến thức đào tạo của toàn khóa học: 134 tín chỉ (không bao gồm Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng), trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 41 tín chỉ (không bao gồm Giáo dục Thể chất và Giáo dục quốc phòng).
- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 82 tín chỉ.
- Thực tập tốt nghiệp: 04 tín chỉ.
- Khóa luận tốt nghiệp: 07 tín chỉ.

## **5. Đối tượng tuyển sinh**

Công dân đã có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định tại điều 5 Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 3 năm 2012 và được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 24/2012/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 6 năm 2012, Thông tư số 03/2013/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 02 năm 2013, Thông tư số 21/2013/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 6 năm 2013, Thông tư số 24/2013/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 7 năm 2013, Thông tư số 28/2013/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 7 năm 2013 và Thông tư 06/2014/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

### **6.1 Quy trình đào tạo**

Chương trình thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007, được sửa chữa, bổ sung một số điều tại Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 561/QĐ-ĐHM ngày 08 tháng 8 năm 2013 của Trường Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh.

### **6.2 Điều kiện tốt nghiệp**

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các điều kiện được quy định tại điều 27 Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007, được sửa chữa, bổ sung một số điều tại Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều 25 Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 561/QĐ-ĐHM ngày 08 tháng 8 năm 2013 của Trường Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Tích lũy đủ số tín chỉ môn học và khối lượng kiến thức quy định cho CTĐT mỗi khóa;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 5,0 trở lên;
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất.

## 7. Thang điểm

Chương trình áp dụng thang điểm 10.

## 8. Nội dung chương trình

### 8.1 Kiến thức giáo dục đại cương (chưa kể GDTC và GDQP): 41 tín chỉ

TT	Môn học	Mã MH	Lý thuyết	Thực hành	Môn học trước
<b>8.1.1</b>	<b>Lý luận chính trị – 10 tín chỉ</b>				
	1. Những NLCB của CN Mác Lênin (P1)	POLI1201	2		
	2. Những NLCB của CN Mác Lênin (P2)	POLI2302	3		
	3. Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI2201	2		Những NLCB của CN Mác Lênin P1 & P2
	4. Đường lối CM của Đảng CSVN	POLI2301	3		Những NLCB của CN Mác Lênin P1 & P2
<b>8.1.2</b>	<b>Khoa học xã hội – 8 tín chỉ</b>				
	5. Quản trị học	BADM1301	3		
	6. Kinh tế học	SEAS2301	3		
	7. Pháp luật đại cương	GLAW 1201	2		
<b>8.1.3</b>	<b>Ngoại ngữ (Tiếng Anh) – 14 tín chỉ</b>				
	8. Tiếng Anh nâng cao 1	GENG1403	4		
	9. Tiếng Anh nâng cao 2	GENG1404	4		Tiếng Anh nâng cao 1
	10. Tiếng Anh nâng cao 3	GENG2317	3		Tiếng Anh nâng cao 2
	11. Tiếng Anh nâng cao 4	GENG2318	3		Tiếng Anh nâng cao 3
<b>8.1.4</b>	<b>Toán – Tin học - Khoa học tự nhiên – Công nghệ - Môi trường– 09 tín chỉ</b>				

TT	Môn học	Mã MH	Lý thuyết	Thực hành	Môn học trước
	12. Toán cao cấp (C1)	MATH1301	3		
	13. Toán cao cấp (C2)	MATH1306	3		Toán cao cấp (C1)
	14. Tin học đại cương	COMP1401	2	1	
<b>8.1.5</b>	<b>Giáo dục Thể chất – 5 tín chỉ</b>				
	Giáo dục Thể chất 1 (ĐH)	PEDU1201		2	
	- Giáo dục Thể chất 2: chọn 1 trong 3 học phần - Giáo dục Thể chất 2 (Bóng chuyền) - Giáo dục Thể chất 2 (Bóng ném) - Giáo dục Thể chất 2 (Bóng đá)	PEDU1302 PEDU1303 PEDU1304		3	
<b>8.1.6</b>	<b>Giáo dục quốc phòng – 7 tín chỉ</b>			8	

## 8.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 82 tín chỉ

TT	Môn học	Mã MH	Lý thuyết	Thực hành	Môn tiên quyết (Tq), học trước (Ht) hay Song hành (Sh)
<b>8.2.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở – 37 tín chỉ (1)</b>				
	15. Cơ học lý thuyết (QLXD)	TECH1304	3		
	16. Vẽ kỹ thuật	TECH1401	3	1	
	17. Địa chất công trình (QLXD)	CENG2201	2		
	18. Sức bền vật liệu (QLXD)	CENG1301	3		
	19. Nguyên lý cấu tạo kiến trúc	CENG3201	2		
	20. Trắc địa đại cương (QLXD)	CENG2203	2		
	21. Cơ học kết cấu (QLXD)	CENG1201	2		
	22. Vật liệu xây dựng + Thí nghiệm	CENG2501	3	1	
	23. Cấp thoát nước (QLXD)	CENG3209	2		
	24. Địa kỹ thuật công trình	CENG2302	3		
	25. Kết cấu công trình	CENG2504	3	1	
	26. An toàn lao động	CENG4211	2		
	27. Thống kê ứng dụng trong quản lý xây dựng	CMAN3202	2		
	28. Pháp luật đại cương trong hoạt động xây dựng	GLAW2205	2		
<b>8.2.2</b>	<b>Kiến thức ngành chính – 45 tín chỉ (2)</b>				
<b>8.2.2.1</b>	<b>Kiến thức chung của ngành chính – 33 tín chỉ (a)</b>				
	29. Lập và thẩm định dự án đầu tư xây dựng	CMAN3503	3	1	
	30. Kỹ thuật thi công	CENG3405	4		Kết cấu công trình (Ht), Địa kỹ thuật công trình (Ht)

TT	Môn học	Mã MH	Lý thuyết	Thực hành	Môn tiên quyết (Tq), học trước (Ht) hay Song hành (Sh)
	31. Quản trị nhân lực	BADM2303	2		
	32. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình	CMAN3501	3	1	
	33. Tổ chức & quản lý thi công	CENG4204	2		Kỹ thuật thi công (Ht)
	34. Đồ án tổ chức & quản lý thi công	CMAN3205		1	Tổ chức & Quản lý thi công
	35. Marketing xây dựng	CMAN3208	2		
	36. Đấu thầu và hợp đồng trong xây dựng	CMAN3206	2		
	37. Quản lý tài chính trong xây dựng	CMAN4209	2		
	38. Dự toán xây dựng	CMAN3304	1	1	
	39. Nguyên lý kế toán	ACCO2301	3		
	40. Phân tích định lượng trong quản lý xây dựng	CMAN4410	2	1	
	41. Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh xây dựng	CMAN3207	2		
<b>8.2.2.2</b>	<b>Kiến thức chuyên sâu của ngành chính – 12 tín chỉ (b): Sinh viên chọn các môn sau</b>				
	42. Kỹ năng đàm phán	BADM4316	3		
	43. Kế toán quản trị	ACCO4302	3		
	44. Kinh tế lượng	ECON2304	3		
	45. Hành vi tổ chức	BADM3315	3		
	46. Quản trị chiến lược	BADM4301	3		
	47. Dự báo trong kinh doanh	BADM3326	2	1	
	48. Tin học ứng dụng trong quản lý xây dựng	CMAN4211	2		
	49. Quản trị năng suất lao động trong xây dựng	CMAN4212	2		
	50. Kỹ thuật giá trị (VE)	CMAN4213	2		
	51. Quản trị chất lượng trong xây dựng	CMAN4214	2		

### 8.2.3 Thực tập tốt nghiệp và khóa luận: 11 tín chỉ

TT	Môn học	Mã MH	Lý thuyết	Thực hành	Môn tiên quyết (Tq), học trước (Ht) hay Song hành (Sh)
	52. Thực tập tốt nghiệp (QLXD)	CMAN4899		4	
	53. Khóa luận tốt nghiệp (QLXD)	CMAN4799		7	Thực tập tốt nghiệp (Tq)

**9. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)****HỌC KỲ 1 – NĂM 1:****12 tín chỉ (không tính GDTC1)**

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	
			Lý thuyết	Thực hành
1	MATH1301	Toán cao cấp (C1)	3	
2	TECH1401	Vẽ kỹ thuật	3	1
3	PEDU1201	Giáo dục thể chất 1 (ĐH)		2
4	TECH1403	Cơ học lý thuyết (QLXD)	3	
5	CENG3201	Nguyên lý cấu tạo kiến trúc	2	

**HỌC KỲ 2 – NĂM 1:****12 tín chỉ (không tính GDTC2)**

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	
			Lý thuyết	Thực hành
1	MATH1306	Toán cao cấp (C2)	3	
2	GENG1403	Tiếng Anh nâng cao 1	4	
3	PEDU1302	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyên)		3 (Chọn 1 trong 3 môn)
	PEDU1303	Giáo dục thể chất 2 (Bóng ném)		
	PEDU1304	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá)		
4	CENG1301	Sức bền vật liệu (QLXD)	3	
5	POLI1201	Những NLCB của CN Mác Lênin (P1)	2	

**HỌC KỲ 3 – NĂM 1:****12 tín chỉ (không tính GDQP)**

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	
			Lý thuyết	Thực hành
1	COMP1401	Tin học đại cương	2	1
2	POLI2302	Những NLCB của CN Mác LêNin (P2)	3	
3	GENG1404	Tiếng Anh nâng cao 2	4	
4	CENG1201	Cơ học kết cấu (QLXD)	2	
5	DEDU1801	Giáo dục quốc phòng		8

**HỌC KỲ 1 – NĂM 2:****13 tín chỉ**

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	
			Lý thuyết	Thực hành
1	POLI2301	Đường lối cách mạng ĐCSVN	3	
2	CENG2201	Địa chất công trình (QLXD)	2	
3	CENG2317	Tiếng Anh nâng cao 3	3	
4	SEAS2301	Kinh tế học	3	
5	GLAW1201	Pháp luật đại cương	2	

**HỌC KỲ 2 – NĂM 2:****11 tín chỉ**

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	
			Lý thuyết	Thực hành
1	POLI2201	Tư tưởng Hồ chí Minh	2	
2	GENG2318	Tiếng Anh nâng cao 4	3	
3	BADM1301	Quản trị học	3	
4	CENG2302	Địa kỹ thuật công trình	3	

**HỌC KỲ 3 – NĂM 2:****12 tín chỉ**

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	
			Lý thuyết	Thực hành
1	CENG2203	Trắc địa đại cương (QLXD)	2	
2	CENG2504	Kết cấu công trình	3	1
3	GLAW2205	Pháp luật đại cương trong hoạt động xây dựng	2	
4	CENG2501	Vật liệu xây dựng + Thí nghiệm	3	1

**HỌC KỲ 1 – NĂM 3:****12 tín chỉ**

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	
			Lý thuyết	Thực hành
1	CMAN350	Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình	3	1
2	CMAN3202	Thông kê ứng dụng trong quản lý xây dựng	2	
3	CENG3405	Kỹ thuật thi công	4	
4	CENG3209	Cấp thoát nước (QLXD)	2	

**HỌC KỲ 2 – NĂM 3:****11 tín chỉ**

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	
			Lý thuyết	Thực hành
1	CMAN3503	Lập và thẩm định dự án đầu tư xây dựng	3	1
2	CMAN3304	Dự toán xây dựng	1	1
3	BADM2303	Quản trị nhân lực	2	
4	CENG4204	Tổ chức và quản lý thi công	2	
	CMAN3205	Đồ án tổ chức và quản lý thi công		1

**HỌC KỲ 3 – NĂM 3:****11 tín chỉ**

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	
			Lý thuyết	Thực hành
1	CMAN3206	Đấu thầu và hợp đồng trong xây dựng	2	
2	CMAN3207	Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh xây dựng	2	



TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	
			Lý thuyết	Thực hành
3	ACCO2301	Nguyên lý kế toán	3	
4	CENG4211	An toàn lao động	2	
5	CMAN3208	Marketing xây dựng	2	

**HỌC KỲ 1 – NĂM 4:**

**11 tín chỉ**

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	
			Lý thuyết	Thực hành
1	CMAN4209	Quản lý tài chính trong xây dựng	2	
2	CMAN4410	Phân tích định lượng trong quản lý xây dựng	2	1

Môn tự chọn: sinh viên chọn 3 môn trong 4 môn tự chọn sau:

3, 4, 5	CMAN4211	1. Tin học ứng dụng trong quản lý xây dựng	2	
	CMAN4212	2. Quản trị năng suất lao động trong xây dựng	2	
	CMAN4213	3. Kỹ thuật giá trị (VE)	2	
	CMAN4214	4. Quản trị chất lượng trong xây dựng	2	

**HỌC KỲ 2 – NĂM 4:**

**10 tín chỉ**

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	
			Lý thuyết	Thực hành
1	CMAN4899	Thực tập tốt nghiệp (QLXD)		4

Môn tự chọn: Sinh viên chọn 2 môn trong 6 môn tự chọn sau:

2, 3	BADM4316	1. Kỹ năng đàm phán	3	
	ECON2304	2. Kinh tế lượng	3	
	BADM3326	3. Dự báo trong kinh doanh	2	1
	ACCO4302	4. Kế toán quản trị	3	
	BADM3315	5. Hành vi tổ chức	3	
	BADM4301	6. Quản trị chiến lược	3	

**HỌC KỲ 3 – NĂM 4:**

**7 tín chỉ**

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	
			Lý thuyết	Thực hành
1	CMAN4799	Khóa luận tốt nghiệp (QLXD)		7

## **10. Hướng dẫn thực hiện chương trình**

### **10.1 Giờ qui đổi**

1 tín chỉ (tc) = 15 tiết học lý thuyết  
= 30 - 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận  
= 30 giờ chuẩn bị cá nhân  
= 40 - 90 giờ thực tập tại cơ sở  
= 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án,  
khóa luận tốt nghiệp

### **10.2 Tính liên thông**

Chương trình đào tạo trình độ đại học đã chú ý đến tính liên thông, đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp đại học có thể học lên trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ khoa học ngành Quản lý xây dựng

### **10.3 Định hướng phương pháp dạy học**

Chương trình được biên soạn theo hướng đổi mới các phương pháp dạy và học đại học, có giảm số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực tập. Khối kiến thức của chương trình phù hợp với khuôn khổ mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã quy định cho chương trình giáo dục trình độ đại học 4,0 năm.

### **10.4 Định hướng đánh giá.**

Đánh giá học tập thường xuyên bằng kiểm tra lý thuyết, thực hành, viết tiểu luận, vấn đáp.

Tổ chức thi học phần theo hình thức: tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm khách quan, viết tiểu luận hoặc kết hợp với các hình thức trên.

Quy trình tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá thực hiện theo quy chế hiện hành của Bộ giáo dục và Đào tạo. Số tiết thi, kiểm tra kết thúc học phần nằm trong tổng thể thời gian quy định cho học phần.

## **I. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC/HỌC PHẦN (đính kèm)**

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**Lê Thị Thanh Thu**

**TRƯỞNG KHOA**

**Lưu Trường Văn**